TT	Tên đường	Lý trình		Chiều dài km	B nền (m)	Bề rộng mặt đường (m)				Kết cấu mặt đường					Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			>= 14-4 làn xe	>= 7	5-6,9	<=5	BTXM	BTN	Nhựa	Đá dăm	Cấp phối	
29	UB xã đi Minh Tiến xã Thái Thủy	UB xã	Minh Tiến	2,5	3÷5				3					2,5	
30	UB xã đi Thái Sơn xã Thái Thủy	UB xã	Thái Sơn	3	3÷5				3					3	
31	UB xã Hoa Thủy đi Vạn Ninh	UB xã	Vạn Ninh	2,8	3÷5				3					2,8	
32	UB xã Hoa Thủy đi thôn Lăng Chùa đi Vạn Ninh	UB xã	Vạn Ninh	2,5	3÷5				3					2,5	
33	UB xã Hoa Thủy đi Xuân Sơn đi đường HCM	UB xã	Xuân Sơn	3,5	3÷5				3					3,5	
34	Đường tránh Bang xã Kim Thủy	TL565	TL565	3,2	3÷5				3			3,2			
35	Đường HCM đi Cồn Cùng đi Chuôn xã Kim Thủy	Đường HCM	Chuôn	4,5	3÷5				3					4,5	
36	Đường HCM đi bản Khe Khế xã Kim Thủy	Đường HCM	Khe Khế	2	3÷5				3	2					
37	Đường HCM đi bản Cây Bông xã Kim Thủy	Đường HCM	Cây Bông	3,5	3÷5				3					3,5	
38	Đường vào bản Bạch Đàn xã Lâm Thủy	HCM Tây	Bạch Đàn	6	3÷5				3					6	
VI	Các tuyến đường thôn, xóm			1.090						252,0					
VII	Các tuyến đường trục nội đồng			599											